



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: _____

Y

N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Hoàng
Last

Middle

Hoạt
First

Current Address: 95/189 Ng. Trưng Trắc, P. 12, Q. Tân Bình, T/ph. HCM

Date of Birth: 7-8-39 Place of Birth: Ninh Bình, VN

Previous Occupation (before 1975) Trưởng Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From 6-1-75 To 3-16-83

Years: 7 Months: 9 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME:

F. V. P. P. A.

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 1-11-89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Hoat, Hoang
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Chu Thi Ngat	15-7-46	wife
Hoang Tien Hung	31-3-67	son
" Thi Thu Nga	10-9-68	daughter
" " Anh Hoang	30-9-70	"
" " Thanh Nguyen	22-7-73	"
" Xuan Quy	31-1-84	son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV /

Date:

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HOAT, Hoang Sex: Phái Male
2. Other Names
Họ, tên khác : NO
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 8-7-1939 Lâm Phường, Kim Sơn, Ninh Bình
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 95/189 Nguyễn Huệ, 12 Group, Tân Bình District, Hồ Chí Minh City
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 95/189 Nguyễn Huệ, 12 Group, Tân Bình District, Hồ Chí Minh City
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Tailor

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. NGAT, Thi Chu	15-7-1946	Ninh Bình	woman	Married	Wife
2. HUONG, Lien Hoang	31-3-1967	Saigon	Male	Single	Children
3. NGA, Thu Thi Hoang	10-9-1968	Saigon	woman	Single	children
4. NGUYET, anh Thi Hoang	30-9-1970	Cơ Đình	woman	Student	children
5. NGUYEN, Thanh Thi Hoang	22-7-1973	Cơ Đình	woman	Student	children
6. QUY, Xuân Hoang	31-1-1984	Saigon	male	child	children
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và ảnh. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	DIEN Hoang	dead in 1983
2. Mother Mẹ	:	HIEN Thi Vu	alive
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	NGAT Thi chu	alive
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	NO	
5. Children Con cái:	(1)	HUNG, Diên Hoang	alive
	(2)	NGA Thi Thi Hoang	alive
	(3)	NGUYET anh Thi Hoang	alive
	(4)	NGUYEN Thanh Thi Hoang	alive
	(5)	QUY Xuân Hoang	alive
	(6)		
	(7)		
	(8)		
	(9)		
6. Siblings Anh chị em:	(1)	SA Thi Hoang	alive
	(2)	LE Thi Hoang	alive
	(3)	SANG Thi Hoang	alive
	(4)	NHUNG Văn Hoang	alive
	(5)	MUNG Thi Hoang	dead in 1979
	(6)	SON Văn Hoang	alive
	(7)		
	(8)		
	(9)		

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or you.
Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi
Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HOAT HOANG

Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1-1-1961 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Captain Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 59A/101929

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đón-Vị Binh-Chúng : 252nd Artillery Battalion

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Major Chau Thanh minh

6. Reason for Separation : Detained in reeducation center
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đồng-sự có không? Có yes Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm. Từ: _____ Đến: _____

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : HOAT Hoang

2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: 4-6-1975 Đến: 16-3-1983

3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Không NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Two Awards of Prisoner Level

One Award of Brigade level

Our wishes: Under the agreement between the 2 governments
of Vietnam and the United States for former Vietnamese political
prisoners and all re-education camp detainees to emigrate, we
respectfully wish to be soon listed in "the list of the people who wished

Signature _____ Date _____
Ký tên: Hoang Hoa Ngày: 27-7-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cục QL và CTPN
TRAI GIẤY TRUNG

Số: 1052

Giấy trung, ngày 16 tháng 03 năm 1983

Đ/Số Độc lập
tại TBQL Quận TP

MSLD : 0:0:0:8:7:8:2:0:9:7:2

GIẤY - RA - TRAI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của
tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về
chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của
chế độ cũ và Đảng phái nhân dân hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên bộ quốc phòng nội vụ số 07 tháng 11 n
năm 1977 của thủ tướng chính phủ.

Thi hành quyết định số : 181 ngày 22 tháng 01 năm 1983
của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRAI :

1/-/ Họ và tên : HOANG - HOAT sinh năm : 1939

Sinh quán : Ninh Bình

Trú quán : 95/189 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, Tân Bình, TP HCM

Số tỉnh : 59/10/gg của báo Đại úy

Chức vụ : Trưởng ban 3 xã Ninh Bình trong bộ máy chính quyền
quán cũ và các cơ quan chính quyền nhân dân của chế độ cũ.

Lý do tha : Cải tạo khổ

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân
dân Công an xã, phường thuộc huyện, quận : Tân Bình tỉnh
thị xã phố : Hố Li Minh và phải tuân theo các qui định
của ủy ban nhân dân thành phố về việc quản chế về nơi cư trú và
các mặt quản lý khác.

- Thời gian quản chế : 01 ngày (kể từ ngày cấp giấy
ra trai)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : 01

Đóng ngón tay trở phải : Chữ ký của HOANG - HOAT được cấp

- Qua : HOANG - HOAT

- Danh bản số : 3067

- Lập tại : Quận 12

THỦNG NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Mục trình tại UBND Phường 12

ngày 25 tháng 2 năm 1983 HOANG - HOAT

TH. UBND Phường 12



ỦY BAN THỦ KÝ

Nguyễn Văn Hồng



TRUNG TÁ
LÊ QUÂN NHỊ

Đường đi từ khu vực này

HTCT về hình ảnh ngày 18.3.1973

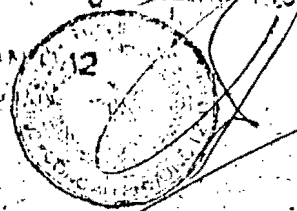
Đường đi ngày 30 tại tỉnh diện

Tổ chức quân phương kèm theo

lưu trữ diện

Ngày 19 tháng 03 năm 1973

TM BAN CÔNG AN 12
TRƯỞNG BAN



Trại Nhân Chính



Trung-Tư Lệnh Quân-Đoàn II
Khu Tư Lệnh Vùng 2 Chiến-Thuật

- Thần ủy nhiệm Đại-Tướng Tổng Tư Lệnh Q.D.V.N.C.H.
- Chiếu huấn thị tạm thời số 655-400 ngày 29.1.64.
- Chiếu Công-Điện số 10018/TH/PHC/TH ngày 13.4.1964
V/v ủy quyền tuyên dương công trạng cho Tư-Lệnh Vùng Chiến-Thuật.

THUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG TRƯỚC SƯ ĐOÀN
(truy tặng)

TRƯỚC TRUNG ĐOÀN : Đặc cách

(Hợp thức hóa kể từ 29.4.1964)

- HỒNG-HOAT Thiếu Ủy, Tiểu Đoàn 27 Pháo Binh.

" Sĩ quan tiên sát viên ưu tú và dũng cảm. Trong cuộc hành quân QUYẾT THẮNG 202 ngày 27/4/1964, tại hạt khu ĐỎ YẾ, đã coi thường nguy hiểm lặn lườn thi sát 10 chỉ huy hình quân, đã xin pháo binh yểm trợ cho các đơn vị tiên quân và diệt chỉ tác xạ chính xác vào các b không cơ địch gây cho chúng thua bại nặng nề về nhân mạng và vũ khí "

CÁC HÂN TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG TRƯỚC TRUNG ĐOÀN TẠM ĐƯỢC IN TRÊN
ANH DUNG LỢI TÍNH VIỆT NGUYỄN SAO ĐỎNG.

CÁC CHÚ : Các sự an thưởng
theo Công lệnh này thuộc
cấp khoản C 1964.

K.T.C. 4579 ngày 01 tháng 09 năm 1964

Trung Tướng ĐO CAO THỊ

Tư lệnh QUÂN ĐOÀN II

Khu Tư Lệnh VÙNG II CHIẾN THUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

TRÍCH SAO GỬI :

- Pháo đài D
- Phòng sự
- Hồ sơ đương sự (2 bản)
" Cổ tịch hành "
- Văn khố
- Lưu trữ.

VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN ĐOÀN II
TIỂU ĐOÀN 27 PHÁO BINH
Số : 1705 / TĐ-27P/1/TV

K.T.C.

T.L.

Tên họ



tháng 11 năm 1964

PHÁC-BINH

Đoàn 27 Pháo Binh

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

cho

TU-LỆNH SƯ-ĐOÀN 22 BÒ-BÌNH
KIỂM TU-LỆNH-KHU 22 CHIẾN THUẬT

VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN ĐOÀN 2
SƯ ĐOÀN 22 BÒ-BÌNH
BỘ THAM MƯU
PHÒNG TỔNG QUẢN TRỊ

Số 32 / 6D22BB/TQT/QĐ

- Chiếu Sáo-Lệnh số 149/SL/CT ngày 12-5-1964 tạo lập "CHỖ DẠCH BỎI-THEM"
- Chiếu Huân-Thi số 655/430 ngày 1-9-1965 ấn định điều kiện và thực ân-thưởng "CHỖ DẠCH BỎI-THEM"
- Chiếu SVVT số 2655/TM/PCP/3 ngày 8-10-65 ấn định quyền-hạn ân thưởng "CHỖ DẠCH BỎI-THEM"

11111111-11111111

-o-o-o-o-o-o-o-o-o-

- ĐIỀU THỨ NHẤT : Nay ân-thưởng "CHỖ DẠCH BỎI-THEM" với hạn niên-hiệu / 1960 cho các quân-nhân có tên sau đây :

.....thuộc TC. 222. PB
16/- HOANG-HOAT Thiệu-Uy Sq. 59/101.929 -"-

- ĐIỀU THỨ HAI : Quyết-Định này phải được ghi-chú và xếp vào hồ-sơ cá-nhân của quân-nhân thụ-hưởng ./-

KBC. 4.061, Ngày 26 tháng 12/1966

Chuyên-Trưởng "NGUYỄN-THÀNH-SANG

Tu-Lệnh Sư-Đoàn 22 Bò-Bình

Kiểm Tu-Lệnh Khu 22 Chiến-Thuật

(Ký tên và đóng dấu)

- SÁO - Y - CHÍNH - SÁO

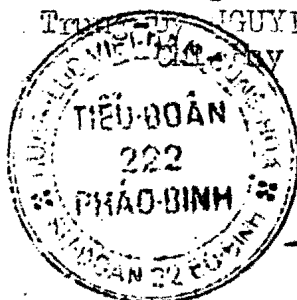
K. B. C. 4.941 ngày 03/02/1966

TL/Thiệu-Ta NGUYỄN-VAN-PHAP

Thiệu-Đoàn Trưởng Thiệu-Đoàn 222 Pháo-Bình

Trưởng "NGUYỄN-VAN-TRUYEN

Thy Hậu-Đr



VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOÀ
QUÂN ĐOÀN 2
SƯ ĐOÀN 22 BÒ-BÌNH
THY 222 P B BÌNH

VIET NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN II
SU LOAN 22 BO BINH
BO THANH MUU
PHONG TONG QUAN-TRI

CONG - % L N H
-----+-----

So:073/SL22BB/TQT/CP
K22CT

Chung-Tuong Tu-Lenh Su-Doan 22 Bo-Binh
Kiem Tu-Lenh Khu 22 Chien-Thuat.

- Chieu Huan-Thi tam thoi so 655-400 ngay 29-01-64 cua Bo-Quoc-
Phong uy QUYEN TUYEN-duong cong trang.

TUYEN DUONG CONG TRANG TRUOC SU LOAN
(Hop thuc hoa k/t 12-03-65)

- HOANG-HOAT - Thieu-Uy - SQ 101,929 - Tieu-Doan 222 Phao-Binh.

Trung-Doi-Truong, Phao-Binh giao kinh-nghiem, kha nang chuyen-mon vung
chac va binh tinh trong moi truong hop.

'Dac-biet ngay 09-03-65, 2 Tieu-Doan Viet-Cong Phao-Kich va tam cong dau
doi vao vi-tri Hoai-An (Binh-Dinh), Si-Quan duong-su da khinh thuong giao-
nang, binh tinh diu-dong Trung-Doi phan phao, rat huu hieu, knier dich tam
loan nang ngu phai rut lui bo lai 80 xac chet. Ta tinh thu duoc nhieu
quan trang, quan-dung va tai-lieu quan trong.

CAC BAN TUYEN DUONG CONG TRANG TRUOC SU LOAN TREU DAY
DUOC AN THUONG ANH-LUNG BOI-TINH VOI NGOI SAO BAC.

TUYEN DUONG CONG TRANG TRUOC TRUNG-DOAN

- NGUYEN-VAN-CUONG - Ha-Si - SQ 124,252 - Tieu-Doan 222 Phao-Binh:

Nhan vien khoa doi lanh le, can dam va co tinh-thay phuc-vu tinh-cua.
Ngay 09-03-65 trong khi 2 Tieu-Doan Viet-Cong Phao-Kich va tam cong rao
riet vao vi-tri tai Hoai-An (Binh-Dinh) duong-su da to ra cam-uan trong
pha doi lan mua am riup Trung-Doi phan phao huu-hieu knier dich quan
ton that nang ne ve nhan mang cung nhu vu-khi phai rut lui bo lai chet
truoc trer 80 xac chet.

CAC BAN TUYEN DUONG CONG TRANG TRUOC TRUNG-DOAN TREU DAY
DUOC AN THUONG ANH-LUNG BOI-TINH VOI NGOI SAO LONG.

-----:
: Cac su an thuong theo cong lenh nay: KBC.4.061 Ngay 20 thang 05 nam 1965
: thuoc cap khoa C cua nien khoa 65 : Chung-Tuong NGUYEN-THANH-SANG
: -----: Thieu-Uy Su-Doan 22 Bo-Binh Kiem
: Thieu-Uy Khu 22 Chien-Thuat.
: (Ky ten va dong dau)

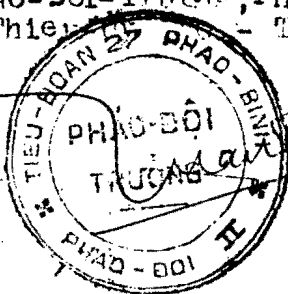
Chuyen van so 991/TD22PB/1/NV ngay 28 thang 05 nam 1965 cua Bo-Chi-Huy T. Doan

// AG Y BAN SAO :

VIET NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN DOAN II
SU LOAN 22 BO BINH
TIEU LOAN 222 PHAO-BINH

KBC.4.944 Ngay 02 thang 06 nam 1965
TL/ Trung-Uy NGUYEN-VAN-TRUYEN
Phao-Doi-Truong, Phao-Doi-B (CX)
Thieu-Uy - Tieu - THANH

So: 126/VN/PB.



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH **GIANG-ĐÌNH.-**

BẢN TRÍCH LỤC

XÃ: **TÂN-THỜI-NHI.-**

BỘ HÔN-THÚ (Bậc _____)

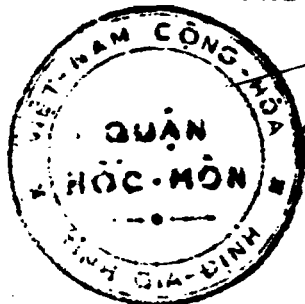
Năm **1966.-**

Số hiệu: **—22—**

Người chồng : (Tên, họ)	-HOÀNG - HOẠT
Sinh tại :	-Lục-Phương, Kim-Sơn, NINH-BÌNH. -(Khai-sanh số:41, ngày 8.2.1953 tại Lục-Phương)-
Sinh ngày :	-8 tháng 7 năm 1939
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	-HOÀNG - DIỆP (chết)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	-VŨ-THỊ-NHIỆM (chết)
Người vợ : (Tên, họ)	-CHU-THỊ-NGÁT
Sinh tại :	-Tống-Chinh, NINH-BÌNH. -(Giấy Thập-vĩ Khai-sanh ngày 23.6.1958, Tòa Hoa Giáp SAIGON)-
Sinh ngày :	-15 tháng 7 năm 1946.-
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	-CHU-CHI-THIÊN (chết)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	-PHẠM-THỊ-MIÊU (sống) 41 tuổi.-
Ngày cưới :	-Chín, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu, hôn chín giờ.-

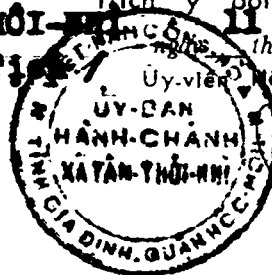
Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ - Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã. **Tân-thời-Nhi.-**

HỒ C M H N ngày 11 tháng 1 năm 1966.-
PHÓ QUẢN-TRƯỞNG



THAN-QUANG-PHAT

Trích y bản chánh năm 1966.-
TÂN-THỜI-NHI ngày 11 tháng 7 năm 1966.-
-Chủ-Tịch Ủy-viên Hộ-tịch



VŨ-THOẠI

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 208083 CN

Họ và tên chủ hộ: CHU THỊ NGÁT

Ấp, ngõ, số nhà: 95/139

Thị trấn, đường phố: Nguyễn Trãi, Quận 5

Xã, phường: Phường 12

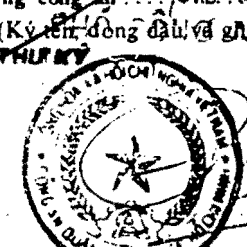
Huyện, quận: Quận 5

Ngày 10 tháng 7 năm 1988

Ngày 10 tháng 7 năm 1988

M. UBND Phường 12 Trưởng công an: Trần Công An

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK3

Nguyễn Văn Hoàng (Ký tên)

TRẦN CÔNG AN

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]



HOA LŨ - TŨ -
T + U - 1-16

11, 76

HOA TŨ - TŨ
T + U - 1-16

CHU - TŨ - 1-16

HOA LŨ - XU
U - 1-16

HOA LŨ - XU
U - 1-16

HOA LŨ - TŨ -

HOA LŨ - XU

HOA LŨ - XU

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã HTSP/3

Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận TP. HCM
Thành phố, Tỉnh TP. HCM

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số: 30/1984

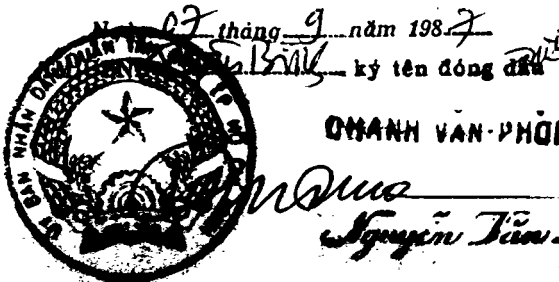
Quyển số: 01/712

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>HOÀNG KIÊN GIỚI</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày	<u>31 tháng 01 năm 1984</u>		
tháng, năm			
Nơi sinh	<u>Bảo an Bình Dương</u>		
Khai về cha mẹ			
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	CHA <u>HOÀNG HOAT</u> <u>1939</u>	MẸ <u>CHU THỊ NHẬT</u> <u>1946</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Công nhân viên</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>93/189 Phường 12</u>	<u>Quận Tân Bình</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hoàng Kiết</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 11 tháng 02 năm 1984
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Nguyễn Văn Phương

Ủy viên Thủ ký
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thái Sĩ

M&u HT3P/3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 2158
Quyển số

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

PHẠM VĂN TRIỀU

MAIL HT3P/3

Số 151
Quyển số 5

[illegible]

ky' vren hu' tieg
(da ky' va' dng' dain
le van tam

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh : TP. HCM

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Sø _____

Quyển số

[illegible]

Họ và Tên	NGUYỄN VĂN HƯNG		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày	Ba mươi mốt, tháng ba, năm một nghìn chín trăm			
tháng, năm	sáu mươi bảy. 9 giờ 40.			
Nơi sinh	Bà Rịa, 369 Lê Văn Duyệt			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN NGUYỄN 08.07.1959		CÔNG THỊ NGUYỄN 15.07.1946	
Dân tộc	Kinh			
Quốc tịch	Việt		Nam	
Nghe nghiệp	Thợ may		Công nhân viên	
Nơi ĐKNK thường trú	95/189 Nguyễn Trường Tộ, P12		Quận Tân Bình	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	CÔNG THỊ NGUYỄN 95/189 Nguyễn Trường Tộ, Tổ 4, P12, Quận 12			

NHÂN THỰC SAO Y BÁN CHANH

Ngày 8 tháng 2 năm 1987

ký tên đóng dấu

Đang ký ngày.....tháng.....năm 198.....

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TL. QUÂN THƯỜNG QUÂN BA

• (Chữ ký và đóng dấu)

NGUYỄN PHÚC HÒA



Dũng Chi Thủy

ĐÃ ĐÓNG LỆ PHẢI

MAW- HTFP/3

THE

GIẤY KHAI SINH

Quyển số

[illegible]

Họ và Tên	CHU THỊ HUỆ		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	Mười lăm, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bốn sáu (15.07.1946)		
Nơi sinh	Tỉnh Quảng, Bình Định		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	CHU THỊ HUỆ (chết)	CHU THỊ HUỆ	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú	//	//	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Đứng khai		

Đã ký ngày 22 tháng 6 năm 1985
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TN/UB **ký tên đóng dấu**

From the Editor

CHÍNH SÁCH MỚI MINH
= HẠ PHẠCH =

Date et lieu de naissance
Ngày và cho

: Mong tam Juillet nam mot nghìn
: chín trăm ba mươi chín.

Masculin ou féminin

: con trai

Con trai hay con gái

Nom et prénoms de l'enfant

: Hoàng - HOAT

Tên và họ của trẻ con

Nom, prénoms, profession et domicile
du père

: Hoàng - DIÊU ở Lau-Phuong
làm ruộng

Tên họ nghề-nghiep và cho ở
người bố

Nom, prénoms, profession et domicile
de la mère

: Vũ-Thị-HIỆU ở Phu-Vinh
làm ruộng

Tên họ nghề-nghiep và cho ở người
mẹ

Femme du 1er rang ou second rang

: vợ cả

Vợ cả, vợ lẽ hay nàng dâu

Date de déclaration

: Mui sau Juillet nam mot nghìn chín
: trăm ba mươi chín.

Ngày khai

Nom, prénoms, profession et
domicile du déclarant

: Hoàng-Diêu, 27 tuổi ở Lau-Phuong
làm ruộng

Tên họ tuổi nghề-nghiep và cho ở
người khai

Nom, prénoms, profession et
domicile du 1er témoin

: Nguyễn-Văn-LOI 66 tuổi ở Lau-
Phuong, làm ruộng;

Tên họ tuổi nghề-nghiep và cho ở
người làm chung thu nhất

Nom, prénoms, profession et
domicile du 2ème témoin

: Mai-Ngọc-TRU 46 tuổi ở Lau-Phuong
làm ruộng.

Tên họ tuổi nghề-nghiep và cho ở
người làm chung thu hai

Le déclarant
Người khai ký

L'Officier de L'Etat-civil
Ho-lai

Les témoins
Những người làm chung ký

Vu pour légalisation de la
signature par PHAN-TU
Kim-Son le 24-2-1953
Le Chef du District
(Ky ten đóng dấu)

Pour extrait conforme
Lau-Phuong le 8 - 2 - 1953
L'Officier de L'Etat-civil
PHAN - TU
(Ky ten đóng dấu)

CHUNG THỰC

SÁNG BẮN CHỨNG

MIỀN-PHI

Đã-Sở-Suân-nhà



Khẩu - lương - Cũ

From: HOANG HOAT
95/189 Nguyễn Trường Tộ - 120000
Tân Bình District - Hồ Chí Minh City

R 604



AUG 11 1983

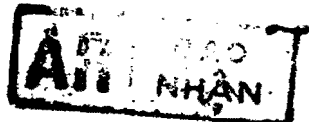
TO: MÃS. KHUẾ MINH THỎ

Family of Vietnamese political
Prisoner Association

P.O. BOX 5435

Arlington VA. 22205-0635

U.S.A



C O N T R O L

☐ Card
☐ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☒ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☒ Membership; Letter 1-15-89 VN